| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5-VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST.<br>Ngày: 08/8/2025<br>V/v "*Ly hôn giữa bà Oanh với ông Hên"* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG-TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lương Thị Thùy Dương

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Ngô Trung Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị Kiều O,** sinh ngày: 14/02/1982.

CCCD: A

Địa chỉ: Số F, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long).

*2. Bị đơn*: **Ông Nguyễn Văn H**, sinh ngày: 10/02/1977.

CCCD: B

Địa chỉ: G, ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long)

Địa chỉ nơi làm việc:Trường tiểu học B - 61 Đại lộ Đ, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

Tất cả có mặt.

# NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2025, Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O trình bày:*

Bà và ông H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/01/2013 do tự nguyện. Sau khi kết hôn

cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Khoảng đầu năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông H không chăm sóc vợ con, không cùng phụ việc nhà với bà. Bà đã trao đổi với ông H nhưng không có kết quả. Bà và ông H đã ly thân từ đầu năm 2025 đến nay. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 26/10/2013 và Nguyễn Gia H1 sinh ngày 07/11/2021. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà hiện đang làm kế toán, thu nhập bình quân 12 triệu đồng/tháng, đủ khả năng lo cho con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông H nuôi con chung, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà O về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Theo ông, sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc nên đến năm 2021 ông bà vẫn sinh thêm con chung. Ông đi làm bảo vệ trực ca đêm nhưng vẫn phụ đưa rước con đi học. Vào tháng 4/2025, vợ chồng ông có cãi nhau về vấn đề tiền bạc do ông làm bảo vệ lương thấp, ông có nóng giận tát bà O một cái nên bà O mới giận ông. Ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà O. Tuy nhiên hiện tại ông không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 26/10/2013 và Nguyễn Gia H1 sinh ngày 07/11/2021. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Gia H1, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Ông H2 đang làm bảo vệ, thu nhập bình quân 4.410.000đồng/tháng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà O, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

***Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có ý kiến:***

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định.

Về nội dung: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều O

- Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Văn H

- Về con chung: sau khi ly hôn, bà O được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 26/10/2013 và Nguyễn Gia H1 sinh ngày 07/11/2021, ghi nhận ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét

- Án phí theo quy định pháp luật

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều O khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn H, quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn H là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông H đang làm việc tại phường A, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về nội dung: Bà O và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/01/2013 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà O, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến năm 2025 mâu thuẫn trầm trọng hơn do ông H không chăm sóc vợ con, không cùng phụ việc nhà với bà. Bà đã trao đổi với ông H nhưng không có kết quả. Bà và ông H đã ly thân khoảng 3 đến 4 tháng nay . Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H. Ông H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng ông chung sống hạnh phúc nên đến năm 2021 ông bà vẫn sinh thêm con chung. Ông đi làm bảo vệ trực ca đêm nhưng vẫn phụ đưa rước con đi học. Vào tháng 4/2025, vợ chồng ông có cãi nhau về vấn đề tiền bạc do ông làm bảo vệ lương thấp, ông có nóng giận tát bà O một cái nên bà O mới giận ông. Ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn với bà O. Xét thấy, tuy bà O ông H không thống nhất về thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn nhưng thực tế mâu thuẫn giữa ông bà có xảy ra. Ông bà đã ly thân với nhau thời gian đủ dài để nhìn nhận, tìm ra nguyên nhân mâu thuẫn và cùng khắc phục để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông bà vẫn không hàn gắn được. Tại phiên tòa, ông H cũng không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O.

[3] Về con chung: bà O và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 26/10/2013 và Nguyễn Gia H1 sinh ngày 07/11/2021. Bà O yêu cầu được nuôi hai con chung, ông H yêu cầu được nuôi Nguyễn Gia H1 sinh ngày 07/11/2021. Tại Biên bản hỏi ý kiến con trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 10/6/2025, cháu K có nguyện vọng được sống chung mẹ. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống chung với bà O có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Về điều kiện kinh tế, bà O có thu nhập cao hơn ông H, đảm bảo điều kiện chăm sóc con tốt hơn. Do đó, để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt học tập ổn định cho cháu K và cháu H1, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà O.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà O không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà O và ông H cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về án phí : căn cứ theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Bà O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng.

- Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 204, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trung K sinh ngày 26/10/2013 và Nguyễn Gia H1 sinh ngày 07/11/2021 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 (Một triệu) đồng/tháng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà O và ông H cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà O phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0011484 ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS khu vực 5.
- UBND xã P.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lương Thị Thùy Dương**